

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu học phí hệ đào tạo Đại học chính quy năm học 2022-2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298/CP ngày 11/11/1977 của Hội đồng Chính phủ về việc: “Thành lập Trường Đại học Tây Nguyên”;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc: “Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập”;

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học số 42/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc: “Quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo”;

Căn cứ Nghị quyết số 137/2022/NQ-HĐTr ngày 25/7/2022 của Hội đồng Trường Đại học Tây Nguyên: “Về mức thu học phí và tính giá dịch vụ đào tạo”;

Theo đề nghị của Trường phòng Kế hoạch Tài chính, Trường phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành mức thu học phí đối với hệ đào tạo Đại học chính quy trong Trường Đại học Tây Nguyên năm học 2022-2023 theo khối ngành như sau:

(Đơn vị tính: đồng/tín chỉ)

TT	DIỄN GIẢI NGÀNH NGHỀ	HP/TÍN CHỈ	GHI CHÚ
1	Khoa Kinh tế:		
1.1	Quản trị KD/ QTKD CLC/ KD thương mại/ Tài chính-NH/ Kế toán	360.000	Khối ngành III
1.2	Kinh tế nông nghiệp	380.000	Khối ngành V
1.3	Kinh tế/ Kinh tế phát triển	330.000	Khối ngành VII
2	Khoa Chăn nuôi - Thú y:		
2.1	Chăn nuôi/ Thú y	380.000	Khối ngành V
3	Khoa Nông lâm nghiệp:		
3.1	Công nghệ thực phẩm/ CN sau thu hoạch/ Bảo vệ thực vật/ Lâm sinh/ KH cây trồng/ Nông nghiệp CN cao/ QL tài nguyên rừng	380.000	Khối ngành V
3.2	Quản lý đất đai	330.000	Khối ngành VII
4	Khoa KH tự nhiên và Công nghệ:		
4.1	Sư phạm Toán/ Lý/ Hóa/ Sinh/ Khoa học tự nhiên	350.000	Khối ngành I
4.2	Sinh học/ Công nghệ sinh học	380.000	Khối ngành IV
4.3	Công nghệ thông tin/ Công nghệ kỹ thuật môi trường	380.000	Khối ngành V
5	Khoa Sư phạm:		
5.1	Sư phạm Văn/ GD mầm non/ GD tiểu học/ GDTH-tiếng Jrai/ GDTC	350.000	Khối ngành I
5.2	Văn học	330.000	Khối ngành VII
6	Khoa Lý luận chính trị:		
6.1	Giáo dục chính trị	350.000	Khối ngành I
6.2	Triết học	330.000	Khối ngành VII
7	Khoa Ngoại ngữ:		
7.1	Sư phạm tiếng Anh	350.000	Khối ngành I
7.2	Ngôn ngữ Anh	330.000	Khối ngành VII
8	Khoa Y Dược:		
8.1	Điều dưỡng/ Kỹ thuật xét nghiệm y học	510.000	Khối ngành VI.1
8.2	Y đa khoa	680.000	Khối ngành VI.2

Điều 2: Các Ông (Bà) Trường phòng Kế hoạch Tài chính, Đào tạo, Công tác sinh viên, Trường các Khoa và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng;
- Các P. Hiệu trưởng;
- Như điều 2;
- Lưu VT, KHTC.



HIỆU TRƯỞNG *Tham*

TS. Nguyễn Thanh Trúc